TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN ĐỒNG PHÚ	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH PHƯỚC	
Số: 20/2018/ QĐST-DS	Đồng Phú, ngày 12 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 48/2014/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2014

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960.

*Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1954

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

+Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1982 – Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1981

+Bà Vũ Thị L, sinh năm 1981

+Bà Chu Thị Kim H, sinh năm 1966

+Bà Vũ Thị L, sinh năm 1981

+Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1988

+Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1990

+Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994

Cùng trú tại: Tổ 31, ấp Chợ , xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2.Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Bà Nguyễn Thị S rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn trong vụ án dân sự thụ lý số 48/2014/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2014.

-Ông Nguyễn Xuân D và bà Chu Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân N (Do bà Vũ Thị L làm đại diện) số tiền mà ông N đã đầu tư xây dựng nhà cửa, công trình kiến trúc, trồng cây lưu niên trên phần diện tích đất đã cấp quyền sử dụng cho hộ ông Nguyễn Xuân D là 40.000.000đồng. Thời hạn trả là ngày 12 tháng 9 năm 2018.

-Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S trong vụ án dân sự thụ lý số

48/2014/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2014 về việc " Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn"

-Về án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000đồng, ông (bà) Nguyễn Thị S, Nguyễn Xuân D, Vũ Thị L, Chu Thị Kim H, Nguyễn Thị Cẩm H, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị N thống nhất thỏa thuận là ông Nguyễn Xuân D và bà Chu Thị Kim H nộp.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S 6.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 012736, quyển số 0255 ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Xuân N (Do bà Vũ Thị L làm đại diện) 3.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 012737, quyển số 0255 ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Đương sự;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Quang Dũng

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... (2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-**.....**(3) ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

……..……..….....

……..…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……..…….....**.....**

……..…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).